

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 1269/QĐ-CTCP397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 23 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất
6 tháng đầu năm 2025 (GT15); Mua vật tư phụ tùng SCTX các thiết bị xe,
máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1172/QĐ-CTCP397 ngày 10/06/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT04) do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 13/05/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 15/06/2025 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 16/06/2025 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15);

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15), với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 9.910.197.860 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm mười triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025(GT15).

- Giá trị gói thầu: 9.910.197.860 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm mười triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 20 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 6 năm 2025

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 170 ngày

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 170 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không

- Giám sát đấu thầu: Không

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyện (c/đ);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

Phụ lục

BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 1269/QĐ-CTCP397 ngày 23/06 /2025 của Công ty cổ phần 397)

TT	Tên hàng hóa/đặc tính kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Các mặt hàng thuế 8%				
01	Ắc giá chữ A Φ55x240	Cái	2	805.000	1.610.000
02	Ắc Φ70x185	Cái	50	905.000	45.250.000
03	Ắc giảm sóc trước Φ60x160	Cái	10	805.000	8.050.000
04	Ắc Piston lái Φ45	Cái	20	705.000	14.100.000
05	Ắc giằng lái Φ40	Cái	20	655.000	13.100.000
06	Bạc+ắc nhíp Kamaz	Bộ	8	223.000	1.784.000
07	Bạc ắc giằng cầu Φ70	Cái	50	383.000	19.150.000
08	Bạc balie Cos0 740.60D-1000102	Bộ/xe	2	2.210.000	4.420.000
09	Bạc biên Cos0 740.60D-1000104	Bộ/xe	2	2.160.000	4.320.000
10	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01/6520-2918074	Cái	30	605.000	18.150.000
11	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173/K566-50-11173	Cái	10	18.000.000	180.000.000
12	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181/K569-50-6A181	Cái	10	12.100.000	121.000.000
13	Bàn ép côn 3482083118/45104160111890	Cái	3	9.050.000	27.150.000
14	Bánh răng 6520-2502120	Cái	3	7.450.000	22.350.000
15	Bánh răng 6520-2506126	Cái	3	3.510.000	10.530.000
16	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	10	1.852.000	18.520.000
17	Bánh răng vành chấu + quả dứa 6520-2502020-20+6520-2502060-10	Bộ	4	17.600.000	70.400.000
18	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	20	418.000	8.360.000
19	Bầu phanh lốc kê 6520-3519500	Cái	35	1.460.000	51.100.000
20	Bầu phanh lốc kê 6520-2918075	Cái	20	1.460.000	29.200.000
21	Bầu phanh lốc kê 1446057/35304813720	Cái	2	3.110.000	6.220.000

22	Bầu phanh trước 661-3519310	Cái	8	1.710.000	13.680.000
23	Bi chữ thập các đăng Φ 48x135	Vòng	2	795.000	1.590.000
24	Bi chữ thập các đăng Φ 52x133 53205-2201026-10	Vòng	10	815.000	8.150.000
25	Bi chữ thập các đăng Φ 52x134	Vòng	5	815.000	4.075.000
26	Bi chữ thập các đăng Φ 57x144	Vòng	5	845.000	4.225.000
27	Bi chữ thập các đăng Φ 57x152 587.42	Vòng	8	855.000	6.840.000
28	Bi moay σ sau 32220	Vòng	2	1.760.000	3.520.000
29	Bi moay σ sau 34023	Vòng	2	1.710.000	3.420.000
30	Bi moay σ trước 30615JR	Vòng	12	942.000	11.304.000
31	Bi moay σ trước 32310JR	Vòng	12	895.000	10.740.000
32	Bi rọ 664916E	Vòng	1	755.000	755.000
33	Bi tê côn 2-13-30	Cái	2	3.510.000	7.020.000
34	Bi tỷ trực đứng 29910C17	Vòng	30	2.210.000	66.300.000
35	Bình nước phụ 6520-1311010/5320-1311010-30	Cái	2	2.410.000	4.820.000
36	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	2	32.000.000	64.000.000
37	Bộ vỏ ốp vi sai cầu 6520-2403018/2403019	Bộ	4	15.100.000	60.400.000
38	Bơm lái 4310- 3407200-11/6520-3407200-02	Cái	2	7.950.000	15.900.000
39	Bơm lái AT-2M0722065-617	Cái	1	4.510.000	4.510.000
40	Bơm tay nhiên liệu 332.110.601	Cái	7	1.360.000	9.520.000
41	Ca xoa to 428-33-00021	Cặp	7	36.500.000	255.500.000
42	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Cặp	7	11.900.000	83.300.000
43	Căn dọc trục cơ Cos0 6520-2502020-10	Bộ	1	1.090.000	1.090.000
44	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290/K566-50-11290	Cái	10	3.510.000	35.100.000
45	Căn nhỏ vi sai cầu 5320-2403058	Cái	40	73.000	2.920.000
46	Căn to vi sai cầu 5320-2403051	Cái	20	163.000	3.260.000

47	Cánh giảm chấn HD465	Cái	4	18.100.000	72.400.000
48	Cao su giằng cầu 6520-2919026	Quả	40	755.000	30.200.000
49	Cây ba dọc 6520-3414009-11	Cái	3	8.850.000	26.550.000
50	Cây ba dọc 6520-3414009-21	Cái	3	8.850.000	26.550.000
51	Cây các đăng trước 6520-2205011-10	Cái	6	16.100.000	96.600.000
52	Chụp chắn bụi giằng lái HD465 569-40-61660	Cái	150	353.000	52.950.000
53	Còi hơi inox	Bộ	5	353.000	1.765.000
54	Van tiết lưu máy lạnh 33003	Cái	3	1.610.000	4.830.000
55	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Cái	3	9.050.000	27.150.000
56	Còi điện KF-24	Cái	12	3.510.000	42.120.000
57	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	32	303.000	9.696.000
58	Cụm khớp lai bơm ben 6090012022	Cụm	10	10.600.000	106.000.000
59	Cụm phom xả khí 432.410.102.0	Cụm	1	1.510.000	1.510.000
60	Cuồng van dài 569-30-72130	Cái	80	1.160.000	92.800.000
61	Cuồng van ngắn 569-30-71600/H-45	Cái	30	955.000	28.650.000
62	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	15	443.000	6.645.000
63	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	10	448.000	4.480.000
64	Dây cu roa 6PK2220	Sợi	5	451.000	2.255.000
65	Dây cu roa 6PK2230	Sợi	5	453.000	2.265.000
66	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	10	483.000	4.830.000
67	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	15	493.000	7.395.000
68	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	6	293.000	1.758.000
69	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Sợi	15	213.000	3.195.000
70	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	30	605.000	18.150.000
71	Dây cu roa máy phát 8PK1495	Sợi	2	795.000	1.590.000
72	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	30	128.000	3.840.000
73	Dây cu roa máy phát RECMF 8390	Sợi	15	293.000	4.395.000
74	Dây cu roa máy lạnh RECMF6390	Sợi	5	128.000	640.000

75	Đế bầu lọc tách nước nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	3	1.210.000	3.630.000
76	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	3	12.990.000	38.970.000
77	Đèn pha - điện tử 24V (đế sắt)	Cái	100	605.000	60.500.000
78	Đèn pha 342.3711/75365669-2007	Cái	14	1.210.000	16.940.000
79	Giảm chấn ống xả 569-02-81111	Cái	1	14.600.000	14.600.000
80	Giảm chấn ống xả 569-02-88132	Cái	1	15.300.000	15.300.000
81	Giảm sóc ghế lái 421-57-31730/AS198243	Cái	12	9.550.000	114.600.000
82	Giảm sóc nhíp trước 45104290550500/50.2.2905006	Cái	6	1.690.000	10.140.000
83	Giàn lạnh 8236675	Bộ	15	2.510.000	37.650.000
84	Gioăng 566-40-42822	Cái	20	183.000	3.660.000
85	Gioăng bốt lái 561-40-00200	Bộ	10	935.000	9.350.000
86	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	40	153.000	6.120.000
87	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Cái	2	403.000	806.000
88	Gioăng moay σ sau 07000-15460	Cái	5	423.000	2.115.000
89	Gioăng moay σ sau Φ4x175	Cái	25	53.000	1.325.000
90	Gioăng moay σ sau Φ6x250	Cái	25	183.000	4.575.000
91	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	2	2.890.000	5.780.000
92	Gioăng phốt xi lanh đóng mở gầu 49327-20250	Bộ	2	3.210.000	6.420.000
93	Gioăng phốt xi lanh lái 707-98-26901/K707-98-26901	Bộ	2	3.010.000	6.020.000
94	Gioăng phốt xi lanh lái 90Z 49327-72600/49327-72610	Bộ	2	2.860.000	5.720.000
95	Gioăng phốt xi lanh lái Kamaz 65201	Bộ	1	805.000	805.000
96	Gioăng phốt xi lanh nâng hạ cần Kawasaki 90ZIV-2 49327-60690	Bộ	1	3.510.000	3.510.000
97	Gối cầu cân bằng 6520-2918070	Cái	8	16.100.000	128.800.000
98	Guốc phanh 6520-3501095	Cái	8	3.810.000	30.480.000
99	Kim phun nhiên liệu 273.1112010-20	Cái	1	1.810.000	1.810.000
100	Lá côn 142.1601130	Cái	10	3.310.000	33.100.000
101	La răng 1100-20	Bộ	3	2.310.000	6.930.000

102	Lá thép bơm cao áp 16833-99015	Cái	1	5.350.000	5.350.000
103	Lọc dầu động cơ 5876101170	Cái	2	605.000	1.210.000
104	Lọc dầu động cơ P550490	Cái	4	585.000	2.340.000
105	Lọc dầu động cơ P551670	Cái	3	493.000	1.479.000
106	Lọc dầu động cơ SO2715	Cái	2	453.000	906.000
107	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	60	173.000	10.380.000
108	Lốc điều hòa HCC-15	Cái	1	7.050.000	7.050.000
109	Lọc gió động cơ 28130-7C000	Cái	1	2.410.000	2.410.000
110	Lọc gió động cơ YK3046-F	Cái	20	1.830.000	36.600.000
111	Lọc gió động cơ P622063	Cái	2	1.410.000	2.820.000
112	Lọc gió xe ca SAMCO 20x25 đế mềm	Cái	1	1.110.000	1.110.000
113	Lốc lạnh ST150101	Cái	1	6.850.000	6.850.000
114	Lọc tách nước P554685	Cái	6	783.000	4.698.000
115	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	50	353.000	17.650.000
116	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	50	463.000	23.150.000
117	Lọc dầu động cơ O-7320	Cái	2	594.000	1.188.000
118	Phin lọc dầu động cơ P502042	Cái	3	555.000	1.665.000
119	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	4	427.000	1.708.000
120	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	5	502.000	2.510.000
121	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	5	576.000	2.880.000
122	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	5	449.000	2.245.000
123	Phin lọc dầu động cơ P559000	Cái	12	1.160.000	13.920.000
124	Phin lọc dầu hộp số P502577	Cái	5	1.594.000	7.970.000
125	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	4	215.000	860.000
126	Phin lọc dầu nhiên liệu P551047	Cái	7	2.210.000	15.470.000
127	Phin lọc dầu nhiên liệu P551329	Cái	5	323.000	1.615.000
128	Phin lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	6	193.000	1.158.000
129	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	8	374.000	2.992.000
130	Phin lọc dầu nhiên liệu thô P553200	Cái	300	1.978.000	593.400.000
131	Phin lọc dầu nhiên liệu tinh P502480	Cái	130	1.310.000	170.300.000
132	Phin lọc dầu thủy lực P551210	Cái	2	1.357.000	2.714.000
133	Phin lọc gió động cơ P500181	Bộ	1	3.210.000	3.210.000

134	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	30	705.300	21.159.000
135	Ly tâm cánh quạt động cơ 20002749/18219-3	Cái	2	7.550.000	15.100.000
136	Má phanh sau DONGFENG	Cái	20	183.000	3.660.000
137	Má phanh sau 58144-5KA20	Cái	6	279.000	1.674.000
138	Má phanh sau Hyundai 58343- 7D942/58343-7J500	Cái	20	183.000	3.660.000
139	Má phanh 6520-3501105-41	Cái	120	103.000	12.360.000
140	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410/K566-50-6A410	Cái	10	2.210.000	22.100.000
141	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650/K707-51-16650	Cái	10	2.210.000	22.100.000
142	Mặt bích các đăng 2402N-065	Cái	1	1.610.000	1.610.000
143	Mặt bích các đăng dài 6520-2205023	Cái	1	1.810.000	1.810.000
144	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	5	4.210.000	21.050.000
145	Mặt máy 740.30-1003010/740.30-1003010-02	Cụm	3	7.050.000	21.150.000
146	Máy ép hơi 53205-3509015-02/53205-3509015	Cụm	2	7.050.000	14.100.000
147	Máy nén khí điều hòa 10PA15C	Cái	1	5.450.000	5.450.000
148	Máy nén khí điều hòa 10S15C/24V	Cái	1	8.450.000	8.450.000
149	Máy nén khí điều hòa 7S708/24V	Cái	1	4.910.000	4.910.000
150	Máy nén khí điều hòa 7S709/24V	Cái	1	6.550.000	6.550.000
151	Máy phát điện 3142.3771010-10/31423771-20	Cái	11	7.750.000	85.250.000
152	Mô tơ gạt mưa 892.5205100/37.453.107-96	Cái	2	3.510.000	7.020.000
153	Mô tơ quạt giàn nóng 90Z4-2	Cái	1	1.810.000	1.810.000
154	Ổng gió cao su 569-02-6E131	Cái	1	4.510.000	4.510.000
155	Phốt 105x130x13	Cái	2	173.000	346.000
156	Phốt bốt lái 561-40-00100	Bộ	5	3.010.000	15.050.000
157	Phốt cầu 80x105x12	Cái	40	153.000	6.120.000
158	Phốt chắn bụi giảm sóc trước 569-50- 61230/K569-50-61230	Cái	10	1.810.000	18.100.000

159	Cần nhựa giảm sóc trước 07001-05190/K07001-05190	Cái	10	196.000	1.960.000
160	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190/K07000-15190	Cái	10	103.000	1.030.000
161	Phốt chắn bụi moay ơ sau 568-33-11511	Cái	4	5.950.000	23.800.000
162	Phốt chắn mỡ giăng cầu $\Phi 70$	Cái	60	353.000	21.180.000
163	Phốt đầu bơm cao áp 30x42x7	Cái	10	61.000	610.000
164	Phốt đuôi bơm cao áp 45x60x8	Cái	20	92.000	1.840.000
165	Phốt đuôi hộp số 80x105x12	Cái	2	153.000	306.000
166	Phốt đuôi trục cơ 7406-1005160-02	Cái	3	745.000	2.235.000
167	Phốt moay ơ sau 154x175x13	Cái	4	223.000	892.000
168	Phốt moay ơ sau 65115-3104017	Cái	40	153.000	6.120.000
169	Phốt moay ơ trước 105x138	Cái	20	113.000	2.260.000
170	Phốt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	18	4.110.000	73.980.000
171	Piston giảm sóc ghế lái 370-8065	Cái	1	13.100.000	13.100.000
172	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Cái	10	855.000	8.550.000
173	Quạt giàn lạnh điều hòa HD230-41320	Cái	8	2.810.000	22.480.000
174	Quạt giàn lạnh điều hòa SV236-51384	Cái	2	3.510.000	7.020.000
175	Quạt giàn nóng 51552-41350	Cái	2	3.010.000	6.020.000
176	Quạt dàn nóng 3T-4203	Cái	3	2.810.000	8.430.000
177	Rơ le nhiệt Kamaz	Cái	5	545.000	2.725.000
178	Rô tuyen ba dọc 180-3414060/3414061	Bộ	4	2.460.000	9.840.000
179	Rô tuyen ba ngang R180-3414062/3414063	Bộ	4	2.460.000	9.840.000
180	Rô tuyen đi số to Kamaz 6520	Cái	10	502.000	5.020.000
181	Tấm búa phanh sau DFHB15T	Cái	2	3.510.000	7.020.000
182	Tanh la răng 1100/1200-20	Cái	50	785.000	39.250.000
183	Tay biên 740.1004045	Cái	1	4.110.000	4.110.000
184	Tay giăng cầu hạ HD465	Cái	2	12.235.000	24.470.000
185	Tay giăng cầu SP00325416	Cái	1	5.010.000	5.010.000
186	Tay giăng cầu thượng HD465	Cái	3	9.050.000	27.150.000

187	Thân các đăng cụt 569-20-71920	Cái	1	15.600.000	15.600.000
188	Tiết chế máy phát BR28-11	Cái	2	1.510.000	3.020.000
189	Tiết chế máy phát Я120M1	Cái	10	805.000	8.050.000
190	Tổng côn dưới H03505	Cái	2	3.510.000	7.020.000
191	Tổng côn dưới 0501 006 570/VG3350	Cái	8	2.210.000	17.680.000
192	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	6	2.510.000	15.060.000
193	Trục cài cầu 6520-2502024	Cái	5	6.650.000	33.250.000
194	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	5	1.906.000	9.530.000
195	Trục đứng 6520-3001019	Cái	8	1.810.000	14.480.000
196	Trục giảm chấn HD465	Cái	4	16.100.000	64.400.000
197	Trục lai bơm ben 136303036	Cái	6	3.810.000	22.860.000
198	Trục lai các đăng sau 6520- 3904030/6520-2502201	Cái	3	6.050.000	18.150.000
199	Trục láp dài 6520-3501108/6520-2403069	Cái	2	8.550.000	17.100.000
200	Van chia hơi 1425183/RL3518Z77	Cái	1	1.610.000	1.610.000
201	Van chia hơi 973011010/RL3518AH	Cái	6	3.710.000	22.260.000
202	Van điện từ 09070617	Cái	15	855.000	12.825.000
203	Van hơi chuyển tầng hộp số 2880166	Cái	4	4.810.000	19.240.000
204	Van hộp số 303.11.0014/6038202043	Cái	1	4.810.000	4.810.000
205	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	10	1.460.000	14.600.000
206	Van tiết lưu máy lạnh VHE-15QTEX-11	Cái	6	703.500	4.221.000
207	Van tiết lưu máy lạnh 447500-9220	Cái	4	1.210.000	4.840.000
208	Vi lét phanh Hyundai HD260	Cái	2	1.110.000	2.220.000
209	Vi lét phanh sau (bên lái) DFKB15T	Cái	2	605.000	1.210.000
210	Vi nét phanh trước (RH) 45104350225890/79258	Cái	5	1.560.000	7.800.000
211	Vi nét phanh trước (LH) 45104350225990/79259	Cái	5	1.560.000	7.800.000
212	Vi nét phanh sau 45104350126090/79260	Cái	6	1.560.000	9.360.000
213	Vi nét phanh sau 5104350126190/79261	Cái	6	1.560.000	9.360.000

214	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	1	1.560.000	1.560.000
215	Vòng bi 6009	Vòng	5	453.000	2.265.000
216	Vòng bi 6211C3	Vòng	2	1.210.000	2.420.000
217	Vòng bi 6217C3	Vòng	2	1.510.000	3.020.000
218	Vòng bi bánh đà 1180305	Vòng	4	403.000	1.612.000
219	Vòng bi cầu 1042924K1M	Vòng	6	3.010.000	18.060.000
220	Vòng bi cầu 30217	Vòng	3	955.000	2.865.000
221	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	3	1.810.000	5.430.000
222	Vòng bi cầu 32216	Vòng	6	1.810.000	10.860.000
223	Vòng bi cầu 32313	Vòng	3	1.210.000	3.630.000
224	Vòng bi cầu 32315	Vòng	3	1.310.000	3.930.000
225	Vòng bi cầu	Vòng	8	935.000	7.480.000
226	Vòng bi NTN 206EAT2X	Vòng	5	705.000	3.525.000
227	Vòng bi đuôi trục cơ 6205	Vòng	2	423.000	846.000
228	Vòng bi NTN 6303	Vòng	2	253.000	506.000
229	Vòng bi NTN 6304	Vòng	2	625.000	1.250.000
230	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	5	955.000	4.775.000
231	Xi lanh phanh trước xe SAMCO 34c	Cái	2	1.210.000	2.420.000
232	Vi nét phanh Hyundai HD260	Cái	2	1.110.000	2.220.000
233	Vành răng bánh đà 7406-1005125	Cái	1	4.010.000	4.010.000
234	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	25	1.370.000	34.250.000
235	Trục láp ngắn 6520-2403970	Cái	2	7.550.000	15.100.000
236	Tổng côn trên DONGFENG	Cái	1	1.210.000	1.210.000
237	Ống xả 54115-1203012-02	Cái	6	1.810.000	10.860.000
238	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn HD465	Cái	5	6.050.000	30.250.000
239	Lọc tinh nhiên liệu 8-98162897-0	Cái	1	453.000	453.000
240	Lọc thô nhiên liệu 8-98037480-0	Cái	1	502.000	502.000

241	Lọc tách nước PL-420	Cái	5	259.000	1.295.000
242	Lọc phom xả UT1374	Cái	5	625.000	3.125.000
243	Lọc gió động cơ 30295-2/30295-3	Bộ	1	2.410.000	2.410.000
244	Lọc dầu thủy lực SFH-0084	Cái	3	163.000	489.000
245	La răng 1200-20	Bộ	10	2.610.000	26.100.000
246	Lá côn 16004350000	Cái	6	3.710.000	22.260.000
247	Lá côn 45104160120590/1878080037	Cái	5	3.310.000	16.550.000
248	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	10	1.810.000	18.100.000
249	Lọc van số 569-15-81730	Cái	1	3.210.000	3.210.000
250	Cao su nối ống 07332-51400	Cái	5	453.000	2.265.000
251	Piston bát hơi cài hộp số 1315 334 034	Cái	2	1.210.000	2.420.000
252	Cần phíp bát hơi cài hộp số 0750 112 066	Cái	2	253.000	506.000
253	Phớt bát hơi cài hộp số 0734 307 294	Cái	2	353.000	706.000
254	Ốp chân hộp số 6460-1001124-10	Cái	5	2.410.000	12.050.000
255	Ốp chân hộp số 6460-1001125-10	Cái	5	2.410.000	12.050.000
256	Lọc dầu động cơ C1515/SFO6777	Cái	2	453.000	906.000
257	Vòng bi NTN 6206	Vòng	3	233.000	699.000
258	Vòng bi SKF 6305	Vòng	3	313.000	939.000
259	Trục cam 740.21-1006015	Cái	2	10.600.000	21.200.000
260	Giảm sóc cabin	Cái	4	1.310.000	5.240.000
261	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ Kamaz	Cái	5	502.000	2.510.000
262	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	10	9.550.000	95.500.000
263	Dây đi số Dongfeng	Sợi	2	705.000	1.410.000
264	Dàn nóng HBS-PZ3005	Cái	5	2.860.000	14.300.000
265	Dàn lạnh HBS-P06403	Cái	5	2.610.000	13.050.000
266	Dàn nóng LR023952	Cái	1	3.010.000	3.010.000
267	Dàn lạnh Volvo L150H	Cái	2	3.510.000	7.020.000
268	Lốc điều hòa SD7H15	Cái	2	6.050.000	12.100.000
269	Phin lọc ga điều hòa 11164457	Cái	2	855.000	1.710.000

270	Cây các đấng sau 6520-2201011-10	Cái	12	11.600.000	139.200.000
271	Cây các đấng trước 6520-2205011-10	Cụm	1	36.000.000	36.000.000
272	Cao su mũ nhíp trước Kamaz	Cái	6	453.000	2.718.000
273	Cao su giằng cầu DONGFENG	Quả	6	555.000	3.330.000
274	Cao su giảm sóc nhíp trước Kamaz	Cái	5	43.500	217.500
275	Cao su giảm chấn 35x18x45	Cái	20	83.000	1.660.000
276	Cao su chân máy sau Kamaz 6520	Cái	5	655.000	3.275.000
277	Cao su chân máy trước Kamaz 6520	Cái	5	502.000	2.510.000
278	Cánh quạt+biển mô 7482-1308010	Bộ	1	12.100.000	12.100.000
279	Bu ly tăng dây cu roa tròn 1858885/040.205	Cái	10	855.000	8.550.000
280	Bi tê côn 160218	Cái	5	3.510.000	17.550.000
281	Bi chao GEF70ES-2RS/K3	Vòng	50	1.910.000	95.500.000
282	Bi chao GE60ES-2RS	Vòng	8	1.510.000	12.080.000
283	Bi chao GEK40XS 2RS	Vòng	20	1.010.000	20.200.000
284	Bi chao GEK45XS 2RS	Vòng	20	1.110.000	22.200.000
285	Xi lanh phanh trước SC4.6	Cái	4	1.610.000	6.440.000
286	Xi lanh phanh sau SC5.2	Cái	4	1.810.000	7.240.000
287	Bộ đầu lốc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	4	2.010.000	8.040.000
288	Bộ đầu lốc lạnh xe HD465 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	8	1.610.000	12.880.000
289	Bơm dầu động cơ 740.11-1011010/740.1011010-02	Cái	1	10.050.000	10.050.000
290	Bạc piston lái Φ45	Cái	20	303.000	6.060.000
291	Bạc giằng lái Φ40	Cái	20	253.000	5.060.000
292	Bàn ép côn 30899	Cái	1	8.550.000	8.550.000
293	Bi chữ thập các đấng lái Φ28x68	Vòng	4	293.000	1.172.000
294	Bi chữ thập các đấng Φ30x89	Cụm	2	303.000	606.000
295	Bi chữ thập các đấng Φ49x155	Vòng	2	805.000	1.610.000
296	Bơm dầu ben bánh răng AP2D28/R60	Cái	1	9.550.000	9.550.000
297	Bơm nước 4934058	Cái	1	3.010.000	3.010.000

298	Bơm nước 7406.1307010-01/ 740.50-1307010	Cái	3	4.210.000	12.630.000
299	Bơm tay nhiên liệu DFH235T	Cái	2	1.510.000	3.020.000
300	Cao su giằng cầu DF80515T	Quả	16	705.000	11.280.000
301	Cây ba dọc 279-172-29	Cái	1	3.510.000	3.510.000
302	Cụm van chia hơi tổng 475.720.008.0/4757200080	Cụm	5	9.550.000	47.750.000
303	Đầu rô tuyn ba ngang W-025	Cái	2	1.810.000	3.620.000
304	Đèn pha máy xúc 24V	Cái	20	493.000	9.860.000
305	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu số SD-1750-03	Cái	5	805.000	4.025.000
306	Đồng hồ tổng hợp 37.003.671-75	Cái	1	1.860.000	1.860.000
307	Giảm chấn cabin Hyundai HD260	Bộ	4	303.000	1.212.000
308	Giảm sóc nhíp sau 55300-5A200	Cái	2	2.210.000	4.420.000
309	Lốc điều hòa ST7547N4	Cái	3	6.550.000	19.650.000
310	Máy phát điện SI021	Cái	1	12.600.000	12.600.000
311	Phanh tay lốc kê DFP202B	Cái	2	805.000	1.610.000
312	Vòng bi NTN 6307	Vòng	1	423.000	423.000
313	Vòng bi NTN 6309	Vòng	1	794.000	794.000
314	Dàn nóng HBS-L0929	Cái	12	1.610.000	19.320.000
315	Bi chữ thập các đăng Kawasaki 90ZIV-2 42060-70450	Cụm	2	2.810.000	5.620.000
316	Bi treo các đăng Kawasaki 90ZIV-2 41441-70360	Cái	1	3.510.000	3.510.000
317	Lọc dầu động cơ SFO 3343	Cái	4	453.000	1.812.000
318	Lọc dầu nhiên liệu SFF 5393	Cái	4	353.000	1.412.000
319	Dây cu roa động cơ 9720	Sợi	35	985.000	34.475.000
320	Vòng đồng tốc 1316304170EU	Cái	4	2.810.000	11.240.000
321	Vòng đồng tốc 1356304022EU	Cái	2	7.050.000	14.100.000
322	Vòng đồng tốc 1356304024EU	Cái	2	4.210.000	8.420.000
323	Vòng đồng tốc 1316304156EU	Cái	4	2.610.000	10.440.000
324	Vòng đồng tốc 1316304162EU	Cái	2	2.410.000	4.820.000
325	Vòng đồng tốc 1316304167EU	Cái	2	4.210.000	8.420.000
326	Vòng đồng tốc 1316304168EU	Cái	4	3.510.000	14.040.000
327	Vòng đồng tốc 1316304159EU	Cái	4	3.510.000	14.040.000
328	Chốt 1297304436	Cái	4	353.000	1.412.000
329	Vòng bi thân a cơ 0750117732	Vòng	1	4.450.000	4.450.000

330	Bánh răng 1315302158EU	Cái	1	6.050.000	6.050.000
331	Vòng đồng tốc 1297304484EU	Cái	1	2.810.000	2.810.000
332	Vòng đồng tốc 1312304027EU	Cái	1	2.510.000	2.510.000
333	Vòng bi hốc a cơ 0750 117 677	Vòng	1	4.410.000	4.410.000
334	Bi tê côn 370241/A	Cái	3	4.210.000	12.630.000
335	Vòng bi 0750 117 678	Vòng	1	2.410.000	2.410.000
336	Vòng bi đuôi trục thứ cấp 0750117232	Vòng	1	4.210.000	4.210.000
337	Trục a cơ 1315 202 037/1315 302 162	Cái	1	14.600.000	14.600.000
338	Chổi gạt mưa Kamaz	Cái	20	123.000	2.460.000
339	Cần gạt mưa Kamaz	Cái	10	183.000	1.830.000
340	Trục chữ thập vi sai cài cầu 6520-2506060	Cái	4	2.610.000	10.440.000
341	Bánh răng vi sai cài cầu 53212-2403055/6520-2506055-10	Cái	16	1.010.000	16.160.000
342	Căn vi sai cài cầu 6520-2506058	Cái	16	53.000	848.000
343	Bộ vỏ ốp vi sai cài cầu 6520-2506016	Bộ	2	9.850.000	19.700.000
344	Cụm phom xả khí 45104351100790	Cụm	6	1.510.000	9.060.000
345	Phanh hãm 6520-2502142	Cái	5	525.000	2.625.000
346	Xi lanh phanh 58333-45001	Cái	4	855.000	3.420.000
347	Chốt đi số 1324 207 005	Cái	6	3.510.000	21.060.000
348	Ống cao su kết mát 6520-1303010-01	Cái	5	502.000	2.510.000
349	Ống cao su kết mát 6520-1303026-01	Cái	5	502.000	2.510.000
350	Ống cao su 53205-1170245	Cái	5	605.000	3.025.000
351	Cánh quạt động cơ 740.51-1308012/020002748	Cái	4	3.510.000	14.040.000
352	Nắp chụp dàn cò 7406.1003264	Cái	1	1.210.000	1.210.000
353	Bi tê côn 45104160130890/343151001051	Cái	1	6.050.000	6.050.000
354	Căn bi tỷ trục đứng Kamaz	Cái	20	353.000	7.060.000
355	Bi treo các đăng Kamaz 65201 Φ60	Vòng	5	1.510.000	7.550.000
356	Cổ xả giữa HD465	Cái	2	10.050.000	20.100.000
357	Phanh hãm 804846	Cái	10	253.000	2.530.000

358	Rơ le số quạt điều hòa 056700-8170	Cái	5	1.610.000	8.050.000
359	Đĩa phanh HD465	Cái	2	9.550.000	19.100.000
360	Đèn xi nhan trước Kamaz	Cái	12	555.000	6.660.000
361	Đèn xi nhan sườn Kamaz	Cái	12	303.000	3.636.000
362	Đèn hậu Led	Cái	14	453.000	6.342.000
363	Đèn lùi inox 24V	Cái	20	118.000	2.360.000
364	Tấm bua phanh 6520-3501070	Cái	3	3.510.000	10.530.000
365	Bánh đà 740.30-1005115	Cái	1	19.000.000	19.000.000
366	Ống gió tăng áp 6212-11-4420	Cái	1	7.050.000	7.050.000
367	Pin điện tử đi số DH300-5	Cái	2	2.510.000	5.020.000
368	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy SD-1750-4	Cái	5	805.000	4.025.000
369	Vòng bi càng gạt bi tê 0635285037/GE25ES-2RS	Vòng	4	353.000	1.412.000
370	Phốt 117x174x14/28	Cái	2	353.000	706.000
371	Bi chữ thập các đăng Φ 49x170	Cụm	2	1.510.000	3.020.000
372	Bi chữ thập các đăng Φ 49.2x191	Cụm	2	1.510.000	3.020.000
373	Bầu phanh trước 960-3519310-10	Cái	8	1.710.000	13.680.000
374	Phốt chấn mỡ 140x160x8	Cái	20	353.000	7.060.000
375	Máy phát điện 24V-70A 37300-45600	Cái	1	8.550.000	8.550.000
376	Tăng áp động cơ 7406- 1118010/12749880003	Cụm	4	9.350.000	37.400.000
377	Trục quả đào 58375-7C450/58475-7C450	Cái	4	2.810.000	11.240.000
378	Dàn lạnh CZ08812	Cái	2	2.510.000	5.020.000
379	Van tiết lưu 38352	Cái	2	703.500	1.407.000
380	Cao su giằng cầu Φ 70	Quả	10	705.000	7.050.000
381	Bạc cổ gầu 140x175x185	Cái	1	6.550.000	6.550.000
382	Bạc tai gầu 130x150x130	Cái	1	1.510.000	1.510.000
383	Rơ le phụ đề SP1296	Cái	10	353.000	3.530.000
384	Bộ vỏ ốp cao su chân hộp số Kamaz 6520	Bộ	14	2.010.000	28.140.000
385	Bi treo các đăng 49730-75700/60-20	Cái	1	1.810.000	1.810.000
386	Bường đầu hộp số 1316301064	Cái	3	20.100.000	60.300.000
387	Bường đuôi hộp số 1315401224	Cái	1	18.100.000	18.100.000

388	Lốc lạnh 2407264814Z	Cái	12	3.810.000	45.720.000
389	Lốc lạnh 2407264822Z	Cái	6	3.810.000	22.860.000
390	Lốc điều hòa 001484207970	Cái	5	9.050.000	45.250.000
391	Lốc điều hòa 0154512180	Cái	3	11.100.000	33.300.000
392	Van nạp giảm sóc 440-2667	Cái	3	2.810.000	8.430.000
393	Moay ơ trước 6520-3103015	Cái	5	9.550.000	47.750.000
394	Cụm kéo phanh tay 100-3537010	Cái	2	2.510.000	5.020.000
395	Van tiết lưu điều hòa 1534QEX	Cái	10	655.000	6.550.000
396	Van áp lực điều hòa HFC-134a	Cái	5	353.000	1.765.000
397	Phin lọc ga điều hòa CD-6007	Cái	20	453.000	9.060.000
398	Vành cài đuôi số mạnh 1296 333 050	Cái	2	4.410.000	8.820.000
399	Vành cài số mạnh 1316 233 029	Cái	2	5.250.000	10.500.000
400	Vành lùa số mạnh 1296 333 023	Cái	2	4.010.000	8.020.000
401	Vành thắng tăng chậm 1296 333 045	Cái	4	3.610.000	14.440.000
402	Ruột số mạnh 1313 333 001	Cái	2	4.410.000	8.820.000
403	Ống cao su 209-03-41711	Cái	1	4.910.000	4.910.000
404	Lọc dầu động cơ FC-5602	Cái	6	453.000	2.718.000
405	Lọc dầu nhiên liệu CX1011	Cái	8	453.000	3.624.000
406	Gioăng lốp 26.5-25	Cái	4	502.000	2.008.000
407	Xi lanh nâng hạ cabin 5003010-C0300	Cái	3	3.510.000	10.530.000
408	Bi chao 707-46-14010	Cái	1	25.500.000	25.500.000
409	Lọc gió động cơ 8-98321413-0	Cái	2	1.510.000	3.020.000
410	Xi lanh phanh 11H0983CG	Cái	6	855.000	5.130.000
411	Tiết chế máy phát 37300-45600	Cái	2	1.210.000	2.420.000
412	Ty tắt máy WG9100570014	Cái	1	502.000	502.000
413	Trục đỡ guốc phanh trước LS-STR	Cái	2	453.000	906.000
414	Tay đỡ ba ngang SG-400C	Cái	1	1.210.000	1.210.000
415	Bơm tay nhiên liệu P7100	Cái	1	1.210.000	1.210.000
416	Bình hơi WG9003550094/ WG9000360701	Cái	1	1.510.000	1.510.000
417	Xi lanh lái 4310-5003014	Cái	1	10.600.000	10.600.000
418	Trục cơ 740.50-1005020/ 52561000	Cái	1	56.000.000	56.000.000

419	Phốt nắp piston nâng hạ ben 167-2201/2892937	Cái	2	805.000	1.610.000
420	Phốt nắp piston nâng hạ ben 167-2312/2892948	Cái	2	805.000	1.610.000
421	Gioăng chắn dầu nắp piston nâng hạ ben 175-7900/2H3934	Cái	2	153.000	306.000
422	Phốt piston nâng hạ ben 8C-9160	Cái	2	1.210.000	2.420.000
423	Phốt chắn bụi 225-3281	Cái	2	502.000	1.004.000
424	Ống cao su cổ hút gió 53205-1109375	Cái	4	755.000	3.020.000
425	Kim phun nhiên liệu D5H00-1112100A-011	Cái	1	7.500.000	7.500.000
426	Cảm biến áp suất nhiên liệu 29389851	Cái	1	2.510.000	2.510.000
427	Phin lọc dầu nhiên liệu J7W00-1105350	Cái	1	453.000	453.000
428	Phin lọc dầu nhiên liệu D5H00-1105140/FS2426	Cái	1	705.000	705.000
429	Bi chữ thập các đăng 30x90	Cụm	3	805.000	2.415.000
430	Bu ly tăng dây cu roa có rãnh 1858884	Cái	3	855.000	2.565.000
431	Bơm thủy lực AH- PGP517A0520CD1H3NE6E5B1B1XG562	Cái	1	18.100.000	18.100.000
432	Cảm biến nhiệt độ nước TM100A 0206	Cái	8	453.000	3.624.000
433	Phốt đuôi trục cơ 135x150x12/ 6L375	Cái	2	403.000	806.000
434	Rô tuyen ba ngang 8-97107349-QJ	Cái	2	905.000	1.810.000
435	Giảm sóc cabin 5320-5001076-10	Cái	4	755.000	3.020.000
436	Khớp lai bơm ben 6090306021	Cái	5	3.610.000	18.050.000
437	Bi chao 7J-3297	Cái	6	4.010.000	24.060.000
438	Gioăng phốt xi lanh nâng cần 17264520	Bộ	2	4.960.000	9.920.000
439	Bộ phốt nâng cần 707-99-67870	Bộ	1	6.150.000	6.150.000
440	Cụm bánh răng dẫn động 6520-2405061	Cụm	1	13.000.000	13.000.000
441	Giá chân Piston lên ben Kamaz 65201	Cái	2	3.710.000	7.420.000

442	Ổng cao su cổ hút gió Kamaz 6520	Cái	1	905.000	905.000
443	Vỏ ốp vi sai giảm tốc cạnh 6520-2405024	Bộ	1	15.000.000	15.000.000
444	Bộ gioăng phốt đóng mở gầu 707-99-78410	Bộ	1	25.500.000	25.500.000
445	Lọc dầu động cơ JX0818-001	Cái	8	353.000	2.824.000
446	Bộ phốt cần cuốn gầu PC1250-8 707-99-72390	Bộ	2	18.600.000	37.200.000
447	Lọc dầu nhiên liệu L0087-001	Cái	4	423.000	1.692.000
448	Tay giăng cầu hạ 632-2919012/ 1630-2919012-11	Cái	1	8.950.000	8.950.000
449	Dây curoa 8PK1430	Sợi	2	705.000	1.410.000
450	Bơm nhớt trợ lực lái xe tải ShNKF 453471.021	Cái	6	9.750.000	58.500.000
451	Cụm khớp lai bơm ben 1015703	Cái	3	7.050.000	21.150.000
452	Cụm cầu cân bằng 6520-2918050	Cụm	1	69.000.000	69.000.000
453	Bi chao GE100ES-2RS	Vòng	5	4.510.000	22.550.000
454	Thanh giăng gạt mưa 1386567	Bộ	3	3.510.000	10.530.000
455	Tổng phanh chân 8099-3514108-10	Cái	4	6.550.000	26.200.000
456	Ty ô đường dầu hồi nhiên liệu Kamaz	Cái	4	555.000	2.220.000
457	Lốc điều hòa xe Thaco Forland	Cái	1	3.510.000	3.510.000
458	Dàn nóng xe Thaco Forland	Cái	1	2.510.000	2.510.000
459	Van tiết lưu xe Thaco Forland	Cái	1	805.000	805.000
460	Quạt dàn nóng xe Thaco Forland	Cái	1	2.510.000	2.510.000
461	Trục quả đào sau xe Dongfeng C260 L=52 cm	Cái	2	1.810.000	3.620.000
462	Trục quả đào trước xe Dongfeng C260 L=37 cm	Cái	2	1.510.000	3.020.000
463	Vi lét phanh cầu giữa (L) xe Dongfeng C260	Cái	1	755.000	755.000
464	Vi lét phanh cầu giữa (R) xe Dongfeng C260	Cái	1	755.000	755.000
465	Vi lét phanh cầu sau (L) xe Dongfeng C260	Cái	1	755.000	755.000
466	Vi lét phanh cầu sau (R) xe Dongfeng C260	Cái	1	755.000	755.000

467	Bạc trục quả đào 52x44x50	Cái	8	163.000	1.304.000
468	Bạc gối cầu cân bằng xe Dongfeng C260	Cái	4	502.000	2.008.000
469	Kim van nạp khí bình tích năng HD465	Cái	20	253.000	5.060.000
470	Phốt đuôi trục cơ 120x150x14	Cái	2	453.000	906.000
471	Dây cu roa 6PK2100	Sợi	5	703.000	3.515.000
472	Dây cu roa 8PK2739	Sợi	10	855.000	8.550.000
473	Bạc trục đứng Kamaz	Cái	10	253.000	2.530.000
474	Phin lọc ga điều hòa 134a/ CD-3097	Cái	2	502.000	1.004.000
475	Bơm tay (thùng dầu nhiên liệu) 37.1141010	Cái	2	1.360.000	2.720.000
476	Bình ngưng 5320-1311010-30	Cái	1	2.410.000	2.410.000
477	Bát cài cầu 5320-2509017	Cái	1	233.000	233.000
478	Két gió 6520-1170300	Cái	1	40.000.000	40.000.000
479	Két nước 6520-1301010-01	Cái	1	22.000.000	22.000.000
480	Bích các đăng cầu sau 6520-2201023-10	Cái	1	4.210.000	4.210.000
481	Bánh răng giảm tốc moay ơ sau 6520- 2405035	Cái	1	3.510.000	3.510.000
482	Trục lai cầu sau 6520-2502201	Cái	1	5.550.000	5.550.000
483	Vi sai cài cầu 6520-2506010	Cụm	1	7.590.000	7.590.000
484	Bạc đầu nhỏ tay biên 740.1004052	Cái	1	590.000	590.000
485	Bạc trục cút lai cam 740.1006026-02	Cái	1	363.000	363.000
486	Bánh răng lai trục cam 740.1006214	Cái	1	2.740.000	2.740.000
487	Ổng dẫn hướng 740.1007032	Cái	1	198.000	198.000
488	Két sinh hàn 740.20-1013200-10	Cái	1	11.150.000	11.150.000
489	Bạc cam 740.21-1006037	Cái	1	889.000	889.000
490	Đũa đẩy 740.21-1007176	Cái	1	850.000	850.000
491	Khớp lai bơm cao áp 740.51-1111054-01	Cái	1	1.810.000	1.810.000
492	Trục lai bơm cao áp 740.51-1121050	Cái	1	2.510.000	2.510.000
493	Vòi rồng 7405.1004065/7405.1004066	Cái	1	497.000	497.000
494	Bạc baliê P1 7405-1000102-P1	Bộ	1	2.210.000	2.210.000

495	Bạc biên P1 7405-1000104-P1	Bộ	1	2.160.000	2.160.000
496	Xu páp hút 7406.1007010	Cái	1	458.000	458.000
497	Xu páp xả 7406.1007015	Cái	1	458.000	458.000
498	Trục đỡ cò mỏ 7406.1007091	Cái	1	1.810.000	1.810.000
499	Cò mỏ 7406.1007140	Cái	1	453.000	453.000
500	Lốc điều hòa HFC134A/ST540608	Cái	1	6.550.000	6.550.000
501	Quạt giàn lạnh điều hòa ND116340-7350	Cái	1	2.810.000	2.810.000
502	Quạt giàn lạnh điều hòa NX-GF J007	Cái	1	4.510.000	4.510.000
503	Lốc lạnh ST150901	Cái	1	6.850.000	6.850.000
504	Lốc lạnh 508-1 ST541307	Cái	1	3.810.000	3.810.000
505	Lốc điều hòa ST751923/ 00453508970	Cái	1	6.050.000	6.050.000
506	Bánh răng lồng bộ côn số 6 8P-0523/8P0523	Cái	1	29.840.000	29.840.000
507	Bánh răng máy ép hơi 7N-9322	Cái	1	6.782.000	6.782.000
508	Bi bu ly cánh quạt 6B-1124	Vòng	2	509.000	1.018.000
509	Bộ gioăng chia dầu phanh sau 9V-3225/9V3225	Bộ	1	1.510.000	1.510.000
510	Bơm chuyển nhiên liệu (Bơm cung cấp) 149-1950	Cái	1	11.600.000	11.600.000
511	Ca gioăng lắp bích đuôi trục cơ 4N- 0848/M-4N848	Cái	1	1.210.000	1.210.000
512	Cảm biến nhiệt độ biến mô 118-7226	Cái	1	4.010.000	4.010.000
513	Cảm biến nhiệt độ khí nạp động cơ 107-8618	Cái	1	5.550.000	5.550.000
514	Cảm biến nhiệt độ nhiên nước làm mát 102-2240	Cái	1	5.150.000	5.150.000
515	Cảm biến tốc độ bánh đà 189-5746	Cái	1	4.510.000	4.510.000
516	Căn 8E-8304/8E8304	Cái	3	262.000	786.000
517	Căn 8E-8308/8E8308	Cái	3	299.000	897.000
518	Căn vi sai 3D-8513/3D 8513	Cái	1	8.173.000	8.173.000
519	Căn hãm trục cam 4N-0342	Cái	1	1.570.000	1.570.000
520	Cao su chân hộp số 515-50-11731	Cái	1	9.234.000	9.234.000

521	Cao su chân máy sau 6Y-2090/6Y2090	Cái	2	6.650.000	13.300.000
522	Cao su chân máy trước 343-4837 343-4837/3434837	Cái	1	9.129.000	9.129.000
523	Đệm toa ben 569-74-61520 569-74-61520	Cái	1	11.100.000	11.100.000
524	Đĩa giảm chấn bầu phanh sau 7D-3013/FM2045	Cái	1	9.650.000	9.650.000
525	Đĩa ma sát bầu phanh 9W-7017/FM4863	Cái	1	6.567.000	6.567.000
526	Gioăng ca xoa moay ơ sau 297-9545 /2979545	Cái	1	1.810.000	1.810.000
527	Gioăng ca xoa moay ơ sau 314-4118 /3144118	Cái	1	1.210.000	1.210.000
528	Gioăng ca xoa moay ơ sau 365-4922/3654922	Bộ	1	39.000.000	39.000.000
529	Gioăng cao su 100-4083	Bộ	1	183.000	183.000
530	Gioăng cao su 3D-2824	Cái	1	50.000	50.000
531	Gioăng chắn dầu 2M-9780	Cái	1	40.000	40.000
532	Gioăng vành pông 5D-7523/5D7523	Cái	1	523.000	523.000
533	Gioăng làm kín 8F-8733	Cái	2	158.000	316.000
534	Két làm mát dầu ben, phanh 141-4109/PM42	Cái	1	83.500.000	83.500.000
535	Két mát dầu động cơ 7C-0145/PM31	Cái	1	35.000.000	35.000.000
536	Két mát đồng sinh hàn động cơ 4W5056	Cái	1	39.000.000	39.000.000
537	Lá đồng bộ côn số 1+5+6 1P-4110/FM1631	Cái	1	5.550.000	5.550.000
538	Lá đồng bộ côn số 7 1S-3736/FM2831	Cái	1	6.550.000	6.550.000
539	Ổ đỡ bu ly cách quạt 2P-1757/2P1757	Cái	1	3.510.000	3.510.000
540	Ổng lót vòi phun nhiên liệu 108-0219/M-1080219	Cái	1	6.450.000	6.450.000
541	Trục bánh răng hành tinh 1 tầng số 5 7S-8631/7S 8631	Cái	1	2.310.000	2.310.000
542	Trục bánh răng hành tinh số (2+3) 2S-4900/2S4900	Cái	1	2.154.000	2.154.000
543	Trục cơ 6245-31-1100/057479005	Cái	1	382.000.000	382.000.000

544	Phốt láp 60x72	Cái	4	153.000	612.000
545	Ca xoa trước 137-2429	Bộ	1	13.100.000	13.100.000
546	Van hạn chế ben 13101-8603010	Cái	3	4.510.000	13.530.000
547	Ăc trung tâm càng A CAT 773E	Cái	3	2.110.000	6.330.000
548	Van chia hơi bầu phanh (4 ngã) 64221-3515310	Cái	5	1.510.000	7.550.000
549	Đĩa thép rọ số 2 3P-8160/FM2772MP	Cái	10	2.210.000	22.100.000
550	Vành chấu 7I-5900/2777213	Cái	1	118.000.000	118.000.000
551	Vỏ hộp vi sai 6G-7472/6G7472	Cái	1	85.000.000	85.000.000
552	Lá thép bộ côn số 3+4 3S-0044/FM2770MP	Cái	8	5.750.000	46.000.000
	Tổng tiền hàng trước thuế				8.432.364.500
	Thuế giá trị gia tăng 8%				674.589.160
I	Tổng tiền hàng sau thuế				9.106.953.660
B	Các mặt hàng thuế 10%				
553	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	42	483.000	20.286.000
554	Quang nhíp sau M30x90x530	Bộ	6	805.000	4.830.000
555	Quang nhíp sau M27x90x440	Cái	6	605.000	3.630.000
556	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	12	253.000	3.036.000
557	Quang nhíp trước HUYNDAI HD260	Cái	4	253.000	1.012.000
558	Quang nhíp trước Dongfeng	Cái	4	253.000	1.012.000
559	Nhíp giảm sóc cabin 5320-5001080	Bộ	6	705.000	4.230.000
560	Bộ nhíp sau xe Hyundai County 29 chỗ ar-10 lá	Bộ	2	8.000.000	16.000.000
561	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	20	1.090.000	21.800.000
562	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	20	1.101.000	22.020.000
563	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	25	1.190.000	29.750.000
564	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	50	1.523.000	76.150.000
565	Nhíp sau 100x22x350	Lá	15	615.000	9.225.000
566	Nhíp sau 100x22x450	Lá	22	617.000	13.574.000
567	Nhíp sau 100x22x550	Lá	20	675.000	13.500.000
568	Nhíp sau 100x22x650	Lá	20	796.000	15.920.000
569	Nhíp sau 100x22x750	Lá	25	920.000	23.000.000
570	Nhíp sau 100x22x850	Lá	20	1.040.000	20.800.000
571	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	10	819.000	8.190.000

572	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	10	891.000	8.910.000
573	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	10	945.000	9.450.000
574	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	12	1.055.000	12.660.000
575	Nhíp trước 90x14x350	Lá	5	469.000	2.345.000
576	Nhíp trước 90x14x450	Lá	6	552.000	3.312.000
577	Nhíp trước 90x14x600	Lá	10	632.000	6.320.000
578	Nhíp trước 90x14x750	Lá	10	733.000	7.330.000
579	Nhíp trước 90x14x900	Lá	10	807.000	8.070.000
580	Nhíp trước lá số 1; 90x12x1500	Lá	2	1.510.000	3.020.000
581	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	6	1.275.000	7.650.000
582	Nhíp trước lá số 1; 90x16x1720	Lá	2	1.810.000	3.620.000
583	Nhíp trước lá số 2; 90x12x1500	Lá	2	1.410.000	2.820.000
584	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	8	1.323.000	10.584.000
585	Nhíp trước lá số 2; 90x16x1720	Lá	2	1.810.000	3.620.000
586	Nhíp trước lá số 3; 90x12x1400	Lá	2	1.360.000	2.720.000
587	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	12	1.093.000	13.116.000
588	Lò xo gốc phanh	Cái	6	123.000	738.000
589	Đỉnh tán Φ8	Cái	1.000	7.000	7.000.000
590	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	20	253.000	5.060.000
591	Gas 134 KLEA	Bình	12	4.510.000	54.120.000
592	Dầu lạnh PAG 100HQ	Chai	20	502.000	10.040.000
593	Nhíp sau 90x20x1500	Lá	2	1.910.000	3.820.000
594	Nhíp sau 90x20x1200	Lá	2	1.560.000	3.120.000
595	Nhíp sau 90x20x1100	Lá	2	1.360.000	2.720.000
596	Nhíp sau 90x20x1000	Lá	2	1.310.000	2.620.000
597	Nhíp sau 90x20x900	Lá	2	1.210.000	2.420.000
598	Nhíp sau 90x20x800	Lá	2	1.110.000	2.220.000
599	Nhíp sau 90x20x700	Lá	2	855.000	1.710.000
600	Nhíp sau 90x20x600	Lá	2	785.000	1.570.000
601	Nhíp sau 90x20x500	Lá	2	655.000	1.310.000
602	Nhíp sau 90x20x400	Lá	2	605.000	1.210.000
603	Bu lông giằng cầu M20L120	Bộ	60	48.000	2.880.000
604	Bu lông giằng cầu M20L330	Bộ	120	113.000	13.560.000
605	Nhíp cục phía trước Samco 5.2	Bộ	2	7.550.000	15.100.000
606	Nhíp cục phía sau Samco 5.2	Bộ	2	8.050.000	16.100.000
607	Quang nhíp sau Samco 5.2	Cái	4	483.000	1.932.000

608	Bộ nhíp trước Dongfeng (9 lá)	Bộ	1	12.100.000	12.100.000
609	Bu lông M20L150 (8.8)	Bộ	550	53.000	29.150.000
610	Bu lông M27L280 (12.9)	Bộ	400	203.000	81.200.000
611	Bu lông stan sau	Bộ	35	83.000	2.905.000
612	Bu lông stan trước	Bộ	15	63.000	945.000
613	Bu lông tắc kê 569-22-72850	Cái	10	955.000	9.550.000
614	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	10	755.000	7.550.000
615	Bu lông tắc kê DF22x12	Bộ	20	88.000	1.760.000
616	Bu lông tắc kê 6520-3104071	Bộ	120	68.000	8.160.000
617	Ê cu đầu trục cài cầu Kamaz	Cái	10	253.000	2.530.000
618	Bu lông tắc kê 4D-8695	Cái	10	705.000	7.050.000
619	Ê cu tắc kê 5D-0765	Cái	10	353.000	3.530.000
620	Vòng đệm 5D-0764	Cái	10	103.000	1.030.000
	Tổng tiền hàng trước thuế				730.222.000
	Thuế giá trị gia tăng 10%				73.022.200
II	Tổng tiền hàng sau thuế				803.244.200
III	TỔNG CỘNG (I + II)				9.910.197.860

Phụ lục

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định sốngàytháng....năm 2025 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu và tóm tắt nội dung	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Công ty cổ phần 397	Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15)	9.910.197.860	Chi phí sản xuất năm 2025 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	20 ngày	Tháng 6 năm 2025	Theo đơn giá cố định	170 ngày	Không	Không

Bảng chữ: Bảng chữ: Chín tỷ, chín trăm mười triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi đồng./.).